TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2. Bà Lê Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yến Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 669/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1334/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Mỹ P, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Địa chỉ: 121/21 đường L, Phường W, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Chen, An T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)
Địa chỉ: 6-3 lộ T, khóm 005, thôn T, làng L, huyện B, Đài Loan.

Bà Thái Mỹ P đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Thái Mỹ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Chen, An T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số 1691, quyển số 09 ngày 21/6/2013. Sau khi kết hôn, bà và ông Chen, An T chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do hai người không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống. Năm 2014, ông Chen, An T quay về Đài Loan sinh sống và làm việc, còn bà thì vẫn ở lại Việt Nam, kể từ thời điểm đó hai bên đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau. Bà xác nhận bà và ông Chen, An T không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chen, An T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông Chen, An T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Chen, An T có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 334/UTTPDS-TA30 ngày 04/6/2018). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 06/9/2018 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng ông Chen, An T. Nhưng cho đến nay, ông Chen, An T vẫn không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Thái Mỹ P, Hội đồng xét xử nhận thấy bà P và ông Chen, An T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì

vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Chen, An T hiện đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai; thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Thái Mỹ P yêu cầu ly hôn ông Chen, An T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà P (bà P cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì thực tế sau khi kết hôn bà P và ông Chen, An T phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà P và ông Chen, An T không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà P và ông Chen, An T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà P yêu cầu ly hôn với ông Chen, An T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà Phương được ly hôn với ông Chen, An Tai là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà P khai không có, Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Thái Mỹ P chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Thái Mỹ P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Mỹ P được ly hôn với ông Chen, An T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1691, Quyển số 09 ngày 21/6/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Thái Mỹ P và ông Chen, An T không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Thái Mỹ P khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Thái Mỹ P chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà P đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0044239 ngày 13/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Thái Mỹ P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Chen, An T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao